

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 5 - 2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Anh

Bà Lê Thị Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1990; CCCD: 054190008718; địa chỉ: A P, phường T, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Cao K, sinh năm 1996; CCCD: 045096004860; địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2026, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2026 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/4/2026, chị Trần Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường S, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 26/4/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng có lời qua tiếng lại. Hiện nay, chị và anh Nguyễn Cao K đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Cao K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2016. Hiện nay, cháu Nguyễn Bảo A đang ở với chị S nên chị có

nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Cao K nhưng anh K không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Cao K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Cao K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Cao K, đồng thời có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; anh Nguyễn Cao K có nơi cư trú tại: Thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là Phường S, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 26/4/2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị S và anh K xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị S xác định không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu được ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2026, Hội liên hiệp phụ nữ xã N, tỉnh Quảng Trị cung cấp: Trong quá trình chung sống, giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K không có tiếng nói chung và hay xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh K không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh K không có mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị S là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2016. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cháu Nguyễn Bảo A đang ở với chị S và cháu A cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị S. Chị S có việc làm và thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi dưỡng cháu A. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Bảo A cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Cao K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Cao K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Cao K không phải cấp

đưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo A.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000332 ngày 21/01/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Trần Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Cao K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh K1

